

	Điều hòa nhiệt độ Nhà cửa Thiết bị phòng cháy, chữa cháy Phần mềm máy tính Các tài sản khác
18	<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành</b> Vật tư Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không phải là tài sản cố định) In ấn chỉ Đồng phục, trang phục Bảo hộ lao động Chi thanh toán hợp đồng với bên ngoài về điều tra, khảo sát, quy hoạch, nghiên cứu khoa học... Chi phí khác
19	<b>Chi phí đặc thù của ngành</b>
20	<b>Chi phí khác</b> Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn Chi khắc phục thiên tai cho các đơn vị dự toán Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện của các đơn vị dự toán Chi đóng góp đối với các tổ chức quốc tế Chi các hoạt động từ thiện Chi các khoản khác

**THÔNG TƯ số 89/1998/TT-BTC ngày 27/06/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/05/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.**

*Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 05 năm 1997;*

*Căn cứ vào Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/05/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:*

**A. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**I. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ, ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**1- Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng:**

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế giá trị gia

tăng và Điều 2 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ thì đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam, trừ các đối tượng không chịu thuế nêu tại Mục II Phần A Thông tư này.

**2- Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng:**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 3 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ thì tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hóa chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) đều là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng.

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

- Doanh nghiệp nhà nước; tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp khác; hợp tác xã;

- Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các công ty nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

b) Cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm những người kinh doanh độc lập, hộ gia đình, các cá nhân hợp tác với nhau để cùng sản xuất, kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân kinh doanh.

## II. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Theo quy định tại Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng, Điều 4 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ, các hàng hóa, dịch vụ sau đây không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng:

1. Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ sơ chế thông thường của các tổ chức, cá nhân tự sản xuất và bán ra.

Sơ chế thông thường là việc sơ chế gắn với quá trình sản xuất ra sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản mà các loại sản phẩm này qua sơ chế chưa trở thành loại sản phẩm, hàng hóa khác.

Ví dụ: phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt các sản phẩm nông nghiệp; ướp đá, ướp muối, phơi khô cá, tôm và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản khác.

2. Sản phẩm muối bao gồm: muối sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt.

3. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt không phải nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ đã chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

*Ví dụ 1:* Công ty A sản xuất thuốc lá điếu, phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thì Công ty A không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng thuốc lá điếu ở khâu sản xuất đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt; các cơ sở kinh doanh mua, bán thuốc lá điếu phải nộp thuế giá trị gia tăng mặt hàng thuốc lá.

*Ví dụ 2:* Cơ sở kinh doanh B nhập khẩu rượu phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu thì không phải nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu; nhưng khi cơ sở này bán rượu cho các đối tượng khác thì cơ sở phải tính và nộp thuế thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm rượu bán ra.

4. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được mà cơ sở có dự án đầu tư nhập khẩu để làm tài sản cố định theo dự án đó.

Trường hợp cơ sở nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ.

Hồ sơ xác định loại thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng mà cơ sở kinh doanh nhập khẩu không phải nộp thuế giá trị gia tăng, khâu nhập khẩu gồm các loại sau:

- Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp giấy phép đầu tư (đối với các dự án đầu tư).

- Hợp đồng, hoặc phương án nhập khẩu xác định rõ nguồn gốc nơi nhập khẩu, loại thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu làm tài sản cố định theo dự án đầu tư.

- Xác nhận của Bộ, cơ quan chủ quản chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh về loại thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng cơ sở nhập khẩu làm tài sản cố định thuộc loại trong nước chưa sản xuất được.

Cơ sở nhập khẩu phải lập và gửi các hồ sơ trên cho cơ quan hải quan khi kê khai thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu để làm căn cứ xác định mặt

hàng nhập khẩu không chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ quan hải quan căn cứ vào mặt hàng nhập khẩu thực tế và các hồ sơ của cơ sở kinh doanh để xác định cụ thể mặt hàng nhập khẩu không phải nộp thuế giá trị gia tăng.

5. Chuyển quyền sử dụng đất thuộc diện chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất.

6. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05/07/1994 của Chính phủ về mua, bán và kinh doanh nhà ở.

7. Dịch vụ tín dụng và quỹ đầu tư bao gồm hoạt động cho vay vốn, cho thuê tài chính của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, tài chính, quỹ đầu tư và hoạt động chuyển nhượng vốn theo pháp luật.

8. Bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm học sinh; bảo hiểm vật nuôi, cây trồng và các loại bảo hiểm không nhằm mục đích kinh doanh như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động.

9. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng dịch bệnh, điều dưỡng sức khỏe cho người và dịch vụ thú y (không bao gồm các hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh bán thuốc chữa bệnh, phòng bệnh).

10. Hoạt động văn hóa, triển lãm và thể dục thể thao mang tính phong trào, quần chúng, tổ chức luyện tập, thi đấu không thu tiền hoặc có bán vé thu tiền nhưng không nhằm mục đích kinh doanh: khoản thu này được sử dụng toàn bộ hay một phần để bù đắp chi phí hoạt động của đơn vị, phần còn lại phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo chế độ tài chính Nhà nước quy định.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật: chèo, tuồng, cải lương, ca, múa, nhạc, kịch, xiếc, múa rối, tấu và các môn nghệ thuật văn hóa truyền thống dân tộc, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật khác và dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật, không phân biệt hình thức biểu diễn, biểu diễn có bán vé thu tiền hay không thu tiền.

Sản xuất phim các loại: phim nhựa, phim vi-di-ô và các loại phim khác.

Hoạt động phát hành và chiếu phim: đối với phim nhựa, không phân biệt chủ đề loại phim; riêng phim vi-di-ô chỉ là phim tài liệu, phóng sự, khoa học.

11. Dạy học, dạy nghề bao gồm: dạy văn hóa, ngoại ngữ, tin học, dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao, nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp cho mỗi người.

12. Phát sóng truyền thanh, truyền hình theo chương trình, bằng nguồn tiền ngân sách nhà nước cấp, do các tổ chức khác tài trợ không thu tiền.

13. In, xuất bản và phát hành: báo (kể cả hoạt động truyền trang báo), tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật (là sách in các văn bản pháp luật, các nghị quyết .v.v. phản ánh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước), sách in bằng tiếng dân tộc thiểu số; tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền, cổ động; in tiền.

14. Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.

- Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố bao gồm các hoạt động thu, dọn, vận chuyển, xử lý rác và chất phế thải, khơi thông cống rãnh, xử lý nước thải, úng ngập đường phố và khu dân cư.

- Duy trì vườn thú tại các công viên, vườn quốc gia bao gồm hoạt động quản lý, chăm sóc, bảo vệ chim, thú ở các công viên, vườn thú, vườn quốc gia; trồng cây, hoa ở các công viên, đường phố.

Đối với các công viên, vườn thú... có tổ chức bán vé thu tiền mà khoản thu này được xác định là một khoản lệ phí để bù đắp chi phí hoạt động quản lý công viên, vườn thú .v.v.. theo quy định của Nhà nước thì khoản thu này cũng không phải nộp thuế giá trị gia tăng.

- Hoạt động dịch vụ tang lễ bao gồm các hoạt

động cho thuê nhà, xe ô tô phục vụ tang lễ của Công ty dịch vụ tang lễ; mai táng, hỏa táng.

15. Duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ lợi ích công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà tình nghĩa bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn viện trợ nhân đạo, kể cả trường hợp được Nhà nước cấp hỗ trợ một phần vốn không quá 30% tổng số vốn thực chi cho công trình.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt của các Công ty xe buýt được thành lập và hoạt động theo quy chế của Bộ Giao thông vận tải phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong nội thành, nội thị, trong các khu công nghiệp hoặc giữa thành thị với khu công nghiệp lân cận theo tuyến đường, điểm đỗ, thời gian chạy, giá vé cước do cấp có thẩm quyền quy định.

17. Điều tra, thăm dò địa chất, do đạc, lập bản đồ thuộc loại điều tra cơ bản của Nhà nước, do ngân sách nhà nước cấp phát kinh phí để thực hiện.

18. Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; nước sạch do tổ chức, cá nhân tự khai thác để phục vụ cho sinh hoạt ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

19. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ xác định cụ thể danh mục và trao đổi, thống nhất với Bộ Tài chính.

20. Hàng nhập khẩu trong các trường hợp sau không phải nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại bao gồm viện trợ của các tổ chức quốc tế, Nhà nước, Chính phủ, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam hoặc cho các tổ chức đoàn thể, hiệp hội Việt Nam.v.v.

Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại phải có đầy đủ các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận hàng viện trợ của cơ quan có thẩm quyền ghi rõ cơ quan, tổ chức viện trợ, là hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại.

- Các giấy tờ khác có liên quan đến việc tiếp nhận lô hàng (theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu).

b) Quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

Cơ quan, tổ chức khi nhận hàng hóa nhập khẩu là quà tặng thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng phải có công văn hoặc đơn đề nghị không thu thuế giá trị gia tăng (kèm theo các giấy tờ, thủ tục liên quan xác nhận hàng hóa nhập khẩu là quà tặng) ghi rõ nguồn gốc, số lượng, chủng loại hàng hóa nhập khẩu.

c) Đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng là đồ dùng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước mang theo.

Số lượng, chủng loại mặt hàng nhập khẩu trong các trường hợp ghi tại Điểm b, Điểm c trên đây được xác định theo chế độ Nhà nước quy định.

21. Hàng chuyển khẩu, quá cảnh, mượn đường qua Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công với nước ngoài.

22. Hàng hóa, dịch vụ cung ứng cho các đối tượng và trường hợp sau đây:

- Hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tàu biển, máy bay, tàu hỏa hoặc phương tiện vận tải khác từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến (qua) Việt Nam để đi tiếp đến nước ngoài như: cung ứng xăng, dầu, nước và các loại thực phẩm, bao gồm cả suất ăn phục vụ hành khách; cung ứng các dịch vụ sửa chữa, làm vệ sinh phương tiện vận tải quốc tế; hoạt động vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam.

- Hàng hóa bán miễn thuế ở các cửa hàng

miễn thuế tại các sân bay, bến cảng, nhà ga quốc tế và cửa khẩu biên giới.

23. Chuyển giao công nghệ được xác định theo quy định tại Chương III "Chuyển giao công nghệ" của Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với những hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị thì việc không thu thuế chỉ thực hiện đối với phần giá trị công nghệ chuyển giao.

24. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa chế tác thành sản phẩm, mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

Vàng dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa chế tác được xác định phù hợp với các quy định quốc tế.

25. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác cụ thể dưới đây:

- Dầu thô;
- Than đá;
- Đá phiến, cát, đất hiếm;
- Đá quý;
- Quặng măng-gan, quặng thiếc, quặng sắt, quặng cõ-rôm-mít, quặng êmênhít, quặng a-pa-tít.

26. Hàng hóa, dịch vụ của những cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân tháng thấp hơn mức lương tối thiểu Nhà nước quy định đối với công chức nhà nước. Thu nhập được xác định bằng doanh thu từ hoạt động kinh doanh trừ (-) chi phí hợp lý của hoạt động kinh doanh đó.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng không phải nộp thuế giá trị gia tăng nhưng cũng không được khấu trừ hoặc hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ này ở khâu không chịu thuế giá trị gia tăng.

## B. CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

### I. GIÁ TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 6 của Nghị định số 28/1998/NĐ-CP, giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu; giá nhập khẩu tại cửa khẩu làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng được xác định theo các quy định về giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu.

Ví dụ: Cơ sở nhập khẩu ti vi nguyên chiếc, giá tính thuế nhập khẩu là 2.000.000 đồng/chiếc:

- Thuế suất thuế nhập khẩu là 30%, thuế giá trị gia tăng là 10%.

- Thuế nhập khẩu phải nộp:  
 $2.000.000đ \times 30\% = 600.000 \text{ đồng}$

- Giá tính thuế giá trị gia tăng là:  
 $2.000.000đ + 600.000đ = 2.600.000 \text{ đồng}$

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp là:  
 $2.600.000đ \times 10\% = 260.000 \text{ đồng}$ .

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá hàng hóa nhập khẩu cộng với (+) thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế đã được miễn, giảm.

Đối với dịch vụ do phía nước ngoài cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng ở Việt Nam, giá chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo hợp đồng; trường hợp hợp đồng không xác định cụ thể

số thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá dịch vụ phải thanh toán trả cho phía nước ngoài.

*Ví dụ:* Công ty A ở Việt Nam thuê một Công ty ở nước ngoài thiết kế xây dựng, giá thanh toán theo hợp đồng phải trả Công ty ở nước ngoài là 100 triệu đồng thì Công ty A phải tính và nộp thuế giá trị gia tăng 10% trên giá 100 triệu đồng.

3. Hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, sử dụng nội bộ, biếu, tặng, giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định theo giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

*Ví dụ:* Đơn vị A sản xuất quạt điện, dùng 50 sản phẩm quạt để trao đổi với cơ sở B lấy sắt thép (hoặc xuất dùng cho các phòng, ban), giá bán (chưa có thuế) là 400.000 đồng/chiếc. Thuế giá trị gia tăng phải nộp tính trên số quạt xuất trao đổi là:

$$400.000 \text{ đ/c} \times 50 \text{ c} \times 10\% = 2.000.000 \text{ đồng.}$$

4. Hoạt động cho thuê tài sản bao gồm cho thuê nhà, xưởng, kho tàng, bến, bãi, phương tiện vận chuyển; máy móc, thiết bị v.v...

Giá để tính thuế giá trị gia tăng là giá cho thuê chưa có thuế. Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì thuế giá trị gia tăng tính trên số tiền thuê trả từng kỳ hoặc trả trước, bao gồm cả chi trả dưới hình thức khác như cho thuê nhà có thu tiền để hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp nhà cho thuê theo yêu cầu của bên thuê.

Giá cho thuê tài sản do các bên thỏa thuận được xác định theo hợp đồng. Trường hợp pháp luật có quy định về khung giá thuê thì giá thuê được xác định trong phạm vi khung giá quy định.

5. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó (không bao gồm lãi trả góp), không tính theo số tiền trả góp từng kỳ.

*Ví dụ:* Công ty kinh doanh xe máy bán xe Honda loại 100 cc, giá bán trả một lần chưa có thuế giá

trị gia tăng là 25 triệu đồng, giá trả góp 6 tháng là 25 triệu đồng, cộng lãi trả góp 0,3 triệu đồng thì giá tính thuế giá trị gia tăng tính theo giá 25 triệu đồng/chiếc.

6. Đối với gia công hàng hóa, giá tính thuế là giá gia công chưa có thuế, bao gồm: tiền công, tiền nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và các chi phí khác để gia công.

7. Đối với hoạt động xây dựng và lắp đặt.

- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng (không phân biệt có bao thầu hay không bao thầu vật tư, nguyên liệu) giá tính thuế giá trị gia tăng là giá xây dựng, lắp đặt chưa có thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình thực hiện thanh toán theo đơn giá và tiến độ hạng mục công trình, phần công việc hoàn thành bàn giao thì thuế giá trị gia tăng tính trên phần giá trị hoàn thành bàn giao.

*Ví dụ 1:* Công ty dệt Hà Nội (gọi là bên A) thuê Công ty xây dựng Sông Hồng (gọi là bên B) thực hiện xây dựng lắp đặt mở rộng xưởng sản xuất.

Tổng dự toán công trình chưa có thuế giá trị gia tăng là 200 tỷ đồng, trong đó:

- Giá trị xây lắp: 80 tỷ đồng

- Giá trị thiết bị bên B cung cấp và lắp đặt: 120 tỷ đồng

+ Bên B sẽ tính thêm phần thuế giá trị gia tăng 10% bằng 20 tỷ đồng

+ Tổng số tiền bên A phải thanh toán là: 220 tỷ đồng

Trường hợp bên A chấp nhận thanh toán cho bên B theo từng hạng mục công trình (giả định phần xây nhà xưởng làm xong trước và thanh toán trước) thì khi bên A tính tiền trả phần xây nhà 80 tỷ đồng sẽ phải cộng thêm 10% thuế giá trị gia tăng trả cho bên B; số tiền phải thanh toán có thuế giá trị gia tăng sẽ là 80 tỷ đồng + 8 tỷ đồng = 88 tỷ đồng.

Phần giá trị thiết bị bên B cung cấp, lắp đặt cũng sẽ thanh toán tiếp và cũng tính như trên.

Theo ví dụ trên, việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của mỗi bên như sau:

+ Bên B:

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng: 20 tỷ đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã trả khi mua xi măng, sắt, thép, thiết bị ..., giá định là: 14 tỷ đồng
- Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp là: 6 tỷ đồng.

+ Bên A:

- Nhận bàn giao nhà xưởng, hạch toán tăng giá trị tài sản cố định để tính khấu hao là 200 tỷ đồng (giá trị không có thuế giá trị gia tăng).

- Tiền thuế giá trị gia tăng đã trả 20 tỷ đồng được khấu trừ vào thuế đầu ra của hàng hóa bán ra hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định.

- Đối với hoạt động xây dựng một công trình, hạng mục công trình có nhiều đơn vị tham gia xây dựng, theo hình thức ký hợp đồng trực tiếp với chủ công trình hoặc nhận thầu lại thông qua nhà thầu chính thì từng nhà thầu phải tính, nộp thuế giá trị gia tăng đối với phần giá trị công trình nhận thầu.

*Ví dụ 2:* Cũng theo số liệu ví dụ 1 nhưng trong trường hợp có nhiều đơn vị tham gia xây dựng công trình và ký hợp đồng với chủ công trình như sau:

- Có 2 nhà thầu chính ký với Công ty dệt Hà Nội là Công ty B thực hiện xây dựng nhà xưởng, giá trị 80 tỷ đồng; Công ty C thực hiện cung cấp và lắp đặt thiết bị 120 tỷ đồng. Nhưng Công ty C lại ký hợp đồng với Công ty D: cung cấp thiết bị 110 tỷ đồng.

Thuế giá trị gia tăng tính trên doanh thu từng Công ty nhận thầu như sau:

+ Công ty B:

$80 \text{ tỷ} \times 10\% = 8 \text{ tỷ đồng}$ , giá có thuế giá trị gia tăng = 88 tỷ đồng

+ Công ty C:

$120 \text{ tỷ} \times 10\% = 12 \text{ tỷ đồng}$ , giá có thuế giá trị gia tăng = 132 tỷ đồng

Cộng: 20 tỷ đồng

220 tỷ đồng

Nhưng khi tính thuế giá trị gia tăng phải nộp, Công ty B và C sẽ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng mà từng Công ty đã nộp ở khâu trước. Giá thanh toán của Công ty A cho Công ty B và Công ty C tính trên toàn bộ giá trị công trình này vẫn bằng 220 tỷ đồng, trong đó có 20 tỷ đồng thuế giá trị gia tăng như ở ví dụ 1. Công ty C khi xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp sẽ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của thiết bị do Công ty D cung cấp.

8. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng như đại lý mua, bán hàng hóa, đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới, ủy thác xuất nhập khẩu hưởng hoa hồng, giá tính thuế giá trị gia tăng là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng chưa trừ một khoản phí tổn nào mà cơ sở thu được từ việc thực hiện các hoạt động này. Hàng hóa do đại lý bán ra vẫn phải tính thuế giá trị gia tăng trên giá bán ra.

9. Đối với hoạt động vận tải, bốc xếp, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế giá trị gia tăng.

Hoạt động vận tải bao gồm: vận tải hành khách, hàng hóa bằng các phương tiện đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không, đường ống v.v...

Đối với hoạt động vận tải hàng không, tàu biển đường sắt... có hoạt động vận tải quốc tế thì doanh thu vận tải quốc tế (doanh thu thu được từ hoạt động vận tải ở nước ngoài và từ Việt Nam đi nước ngoài) không chịu thuế giá trị gia tăng.

10. Đối với hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù dùng các chứng từ như tem bưu chính, vé cước vận tải, vé xổ số kiến thiết... ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá chưa có thuế được xác định như sau:

$$\frac{\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng}}{\text{Giá thanh toán (tiền bán vé, bán tem...)}} = \frac{1}{1 + (\% \text{ thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó})}$$

*Ví dụ:* Một bưu điện tỉnh trong tháng 1 năm 1999 bán 10.000 con tem, giá mỗi con tem là 400 đồng

thì giá không có thuế và thuế giá trị gia tăng của số tem này được tính như sau:

- Giá ghi trên tem vé (giá bán có thuế) =  $10.000 \times 400 \text{ đ} = 4.000.000 \text{ đồng}$

- Giá chưa có thuế giá trị gia tăng =  $\frac{4.000.000 \text{ đ}}{1 + 10\%} = 3.636.363 \text{ đồng}$

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp 10% =  $3.636.363 \text{ đ} \times 10\% = 363.636 \text{ đồng}$

Hoặc bằng:  $4.000.000 \text{ đ} - 3.636.363 \text{ đ} = 363.636 \text{ đồng}$ .

Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Các khoản phụ thu cơ sở kinh doanh thu theo chế độ của Nhà nước không tính vào doanh thu của cơ sở kinh doanh thì thuế giá trị gia tăng không tính đối với các khoản phụ thu này.

## II. THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Theo quy định tại Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 7 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ, thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng như sau:

### 1. Thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu:

Hàng hóa xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu. Xuất khẩu bao gồm xuất ra nước ngoài, xuất vào khu chế xuất.

Các trường hợp đưa hàng hóa ra nước ngoài để bán, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ triển lãm nếu có đủ căn cứ xác định là hàng hóa xuất khẩu cũng được áp dụng thuế suất 0%.

Hàng hóa của cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu ra nước ngoài được áp dụng thuế suất 0% phải có các hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu, cụ thể sau đây:

- Hợp đồng bán hàng hóa hoặc hợp đồng sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ký với nước ngoài.

- Hóa đơn bán hàng hoặc xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất.

- Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có kiểm tra, xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan.

### 2. Mức thuế suất 5% đối với hàng hóa, dịch vụ:

a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt do các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước khai thác từ nguồn nước tự nhiên cung cấp cho các đối tượng sử dụng nước (trừ nước sạch do các cơ sở tự khai thác ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ở vùng đó không thuộc diện chịu thuế và các loại nước thuộc nhóm thuế suất 10%).

b) Phân bón bao gồm phân hữu cơ và phân vô cơ như: phân lân, phân đạm (urê), phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân photphát, bột tạt, phân vi sinh .v.v.

- Quặng làm nguyên liệu để sản xuất ra phân bón như quặng Apatit dùng để sản xuất phân lân, đất bùn làm phân vi sinh .v.v.

- Các loại thuốc trừ sâu bệnh, thuốc diệt dăng, diệt chuột, diệt muỗi, mọt, côn trùng, thuốc trừ nấm, trừ cỏ, thuốc hạn chế hoặc kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng, điều hòa sự phát triển của thực vật .v.v.

c) Thiết bị, máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh, các thiết bị dùng để mổ, điều trị vết thương, ô tô cứu thương, dụng cụ đo huyết áp, tim, mạch, tiêm, truyền máu .v.v.

- Băng, băng vệ sinh y tế.

d) Thuốc chữa bệnh, phòng bệnh bao gồm các loại thuốc dùng cho người và vật nuôi.

đ) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại giáo cụ trực quan (mô hình, hình vẽ), thước kẻ, bảng, phấn, compa dùng để giảng

0966656666 \* www.ThuVienPhapLuat.com \* Tel: +84-8-3845 6684 \* LawSofit



dạy, học tập và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm.

e) Đồ chơi cho trẻ em, sách khoa học - kỹ thuật, sách văn học nghệ thuật, sách phục vụ thiếu nhi, sách pháp luật, trừ sách văn bản pháp luật là sách in văn bản pháp luật, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước thuộc diện không chịu thuế quy định tại Khoản 13 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng.

g) Kinh doanh các mặt hàng là sản phẩm trồng trọt, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm nuôi trồng thủy sản.

Các sản phẩm thuộc nhóm này nếu là sản phẩm chưa qua chế biến do các tổ chức, cá nhân sản xuất và tự bán ra thì không chịu thuế giá trị gia tăng (theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Luật Thuế giá trị gia tăng).

h) Lâm sản (trừ gỗ, măng) chưa qua chế biến; thực phẩm tươi sống và lương thực.

- Lâm sản chưa qua chế biến là các loại lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên như: tre, luồng, song, mây, nứa, mộc nhĩ, nấm, rễ, lá, hoa, cây làm thuốc, nhựa cây và các loại lâm sản khác.

- Thực phẩm tươi sống là các loại thực phẩm chưa qua chế biến hoặc chỉ sơ chế như thịt lợn, thịt bò, thịt gà, vịt, ngan, ngỗng, tôm, cá tươi sống hoặc ướp đá, phơi khô để bảo quản.

- Lương thực bao gồm thóc, gạo, ngô, khoai, sắn, lúa mỳ, bột mỳ (không bao gồm các sản phẩm đã qua chế biến như mỳ, cháo, phở ăn liền...).

i) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá là các loại sản phẩm được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu chính là đay, cói, tre, nứa, lá như: thảm đay, sợi đay, bao đay, thảm sợi dừa, chiếu sản xuất bằng đay, cói, dây thừng, dây buộc làm bằng tre nứa, xơ dừa; rèm, màn bằng tre, trúc, nứa, chổi tre, nón lá .v.v.

k) Bông sơ chế từ bông trồng trong nước là bông đã được bỏ vỏ, hạt và phân loại (bông nhập khẩu đã qua sơ chế, phân loại không thuộc nhóm này).

l) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác bao gồm loại thức ăn đã hoặc chưa được chế biến tổng hợp như cám, bã khô lạc, bột cá, bột xương .v.v.

m) Dịch vụ khoa học, kỹ thuật bao gồm các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, hướng dẫn về khoa học, kỹ thuật cụ thể sau đây:

- Dịch vụ đòi hỏi kỹ thuật cao như lắp ráp thử, vận hành thử, phục hồi, sửa chữa hiệu chỉnh các loại: máy móc thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, phương tiện đo kiểm, thiết bị chuyên dùng trong nghiên cứu khoa học và kỹ thuật;

- Xử lý số liệu và tính toán thuộc các chương trình, đề tài khoa học;

- Lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật, các dự án nghiên cứu khả thi và tiền khả thi;

- Phân tích mẫu thử nghiệm vật liệu, kiểm nghiệm sản phẩm;

- Hướng dẫn và tổ chức triển khai áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất.

n) Dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm các hoạt động như cấy, bừa đất sản xuất nông nghiệp; đào, đắp, nạo, vét kênh, mương, ao, hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi, trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh; thu, hái sản phẩm nông nghiệp.

**3. Mức thuế suất 10% đối với hàng hóa, dịch vụ:**

a) Sản phẩm khai khoáng: dầu mỏ, khí đốt (gas), quặng kim loại, phi kim loại, than đá, cát, sỏi, đất sét, cao lanh, và sản phẩm khai khoáng khác;

b) Điện thương phẩm do các cơ sở sản xuất, kinh doanh điện bán ra, không phân biệt nguồn điện sản xuất là thủy điện, nhiệt điện .v.v.;

c) Sản phẩm điện tử, cơ khí, đồ điện;

d) Sản phẩm hóa chất, mỹ phẩm;

đ) Sợi, vải, sản phẩm may mặc, thêu ren;

e) Giấy và sản phẩm bằng giấy;

g) Đường, sữa, bánh, kẹo, nước giải khát và các loại thực phẩm chế biến khác;

h) Sản phẩm gốm, sứ, thủy tinh, cao su, nhựa, gỗ và sản phẩm bằng gỗ; xi măng, gạch, ngói và vật liệu xây dựng khác;

i) Xây dựng, lắp đặt;

k) Vận tải, bốc xếp;

l) Dịch vụ bưu điện, bưu chính, viễn thông;

m) Cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải;

n) Dịch vụ tư vấn pháp luật;

o) Chụp, in, phóng ảnh; in băng, sang băng, cho thuê băng; sao chụp; quay vi-di-ô, chiếu vi-di-ô;

p) Uốn tóc, may đo quần áo, nhuộm, giặt là, tẩy hạp;

q) Các loại hàng hóa, dịch vụ khác không quy định ở nhóm thuế suất 0%, 5%, 20% ở Mục II Phần A Thông tư này và các mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu kinh doanh thương nghiệp áp dụng thuế suất 10%.

**4. Mức thuế suất 20% đối với hàng hóa, dịch vụ sau:**

a) Vàng, bạc, đá quý do cơ sở kinh doanh mua vào, bán ra;

Cơ sở kinh doanh vàng, bạc, đá quý có hoạt động gia công, chế tác các sản phẩm vàng, bạc, đá quý không hạch toán riêng doanh thu và thuế của hoạt động này thì áp dụng thuế suất 20% đối với hoạt động gia công, chế tác.

b) Khách sạn, du lịch, ăn uống;

Khách sạn, du lịch được xác định theo tiêu chuẩn do cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc theo giấy phép kinh doanh.

Kinh doanh ăn uống không phân biệt ăn uống bình dân, cao cấp.

c) Xổ số kiến thiết và các loại hình xổ số khác như: xổ số cao, bóc, lô tô;

d) Đại lý tàu biển;

đ) Dịch vụ môi giới, không phân biệt hình thức và lĩnh vực ngành nghề.

Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định trên đây được áp dụng thống nhất theo loại hàng hóa, dịch vụ; đối với cùng loại hàng hóa không phân biệt hàng nhập khẩu với hàng sản xuất trong nước, khâu sản xuất hay kinh doanh thương nghiệp.

### III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Thuế giá trị gia tăng cơ sở kinh doanh phải nộp được tính theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ thì cơ sở phải hạch toán riêng hoạt động kinh doanh này để tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng.

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

#### 1. Phương pháp khấu trừ thuế:

a) Đối tượng áp dụng là các đơn vị, tổ chức kinh doanh, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, các công ty cổ phần, hợp tác xã và các đơn vị, tổ chức kinh doanh khác, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng nói tại Điểm 2 dưới đây.

b) Xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp:

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp bằng (=) thuế

giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Trong đó:

\* Thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng (=) giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với (x) thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế giá trị gia tăng và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa có thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn, chứng từ.

*Ví dụ:* Doanh nghiệp bán sắt, thép, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng đối với sắt  $\phi 6$  là: 4.500.000 đồng/tấn; thuế giá trị gia tăng 10% bằng 450.000 đồng/tấn, nhưng khi bán có một số hóa đơn doanh nghiệp chỉ ghi giá bán là 4.800.000 đồng/tấn thì thuế giá trị gia tăng tính trên doanh số bán được xác định bằng: 4.800.000 đồng/tấn x 10% = 480.000 đồng/tấn thay vì tính trên giá chưa có thuế bằng 4.500.000 đồng/tấn, doanh nghiệp mua thép cũng không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hóa đơn mua không ghi thuế giá trị gia tăng này.

Riêng đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù được dùng loại chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế thì giá chưa có thuế và thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định theo điểm 10 Mục I Phần B của Thông tư này.

\* Thuế giá trị gia tăng đầu vào bằng (=) tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào cơ sở kinh doanh được tính khấu trừ quy định như sau:

+ Thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ.

+ Thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.

*Ví dụ:* Một doanh nghiệp A sản xuất xi măng trong tháng 1 năm 1999 bán ra 200 tấn xi măng giá mỗi tấn 800.000 đồng/tấn (giá chưa có thuế giá trị gia tăng), thuế giá trị gia tăng phải nộp là 10% ( giá người mua phải thanh toán bằng 880.000 đồng/tấn); cũng trong tháng, doanh nghiệp đã mua một số vật tư, nguyên liệu để dùng cho sản xuất kinh doanh xi măng.

Căn cứ các chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu, số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định như sau:

Hàng hóa, dịch vụ mua trong tháng	Đơn vị tính	Sản lượng mua	Giá đơn vị	Thành tiền	Thuế giá trị gia tăng đầu vào
A	B	C	1	2	3
- Clanhke	tấn	100	0,5 tr d/T	50.000.000 đ	5.000.000 đ
- Điện	Kw	5000 Kw	700 đ/Kw	3.500.000 đ	350.000 đ
- Xăng, dầu	tấn	10	4 tr d/Tấn	40.000.000 đ	4.000.000 đ
Cộng				93.500.000 đ	9.350.000 đ

Giả định các loại vật tư, nguyên liệu mua vào chỉ dùng để sản xuất xi măng, thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp phải nộp trong tháng 1 năm 1999 được xác định như sau:

+ Số thuế giá trị gia tăng đầu ra, tính trên số xi măng bán ra là:

$$(800.000 \text{ đ/T} \times 200\text{T}) \times 10\% = 16.000.000 \text{ đồng}$$

+ Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là: 9.350.000 đồng

+ Số thuế giá trị gia tăng còn phải nộp của tháng 1 năm 1999 là:

$$16.000.000 \text{ đ} - 9.350.000 \text{ đồng} = 6.650.000 \text{ đồng}$$

Trường hợp cơ sở kinh doanh mua vật tư, hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ hoặc có hóa đơn, chứng từ nhưng không phải là hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn giá trị gia tăng nhưng không ghi riêng số thuế giá trị gia tăng ngoài giá bán thì không được khấu trừ thuế đầu vào, trừ các trường hợp có quy định riêng sau đây:

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào là loại được dùng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì cơ sở được căn cứ vào giá đã có thuế và phương pháp tính nêu tại điểm 10 Mục I Phần B của Thông tư này để xác định giá không có thuế và thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

*Ví dụ:* Trong kỳ, Công ty A thanh toán dịch vụ đầu vào được tính khấu trừ là loại đặc thù:

Tổng giá thanh toán 110 triệu đồng (giá có thuế giá trị gia tăng), dịch vụ này chịu thuế suất là 10%, số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính như sau:

$$\frac{110 \text{ triệu đồng}}{1 + 10\%} \times 10\% = 10 \text{ triệu đồng}$$

Giá chưa có thuế là 100 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng là 10 triệu đồng.

+ Trường hợp cơ sở sản xuất, chế biến mua nguyên liệu là nông sản, lâm sản, thủy sản chưa

qua chế biến của người sản xuất bán ra không có hóa đơn sẽ được tính khấu trừ thuế đầu vào theo tỷ lệ (%) tính trên giá trị hàng hóa mua vào:

- 5% đối với sản phẩm trồng trọt thuộc các loại cây lấy nhựa, lấy mủ, lấy dầu, mía cây, chè búp tươi, lúa, ngô, khoai, sắn; sản phẩm chăn nuôi là gia súc, gia cầm; cá, tôm và các loại thủy sản khác;

- 3% đối với các loại sản phẩm là nông sản, lâm sản không quy định trong nhóm được khấu trừ (5%) trên đây.

*Ví dụ 1:* Doanh nghiệp A sản xuất đường, mua mía của người trồng mía trực tiếp bán (mía là sản phẩm trồng trọt thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng). Trong tháng có thu mua 100 tấn mía, giá 200.000 đồng/tấn. Khi tính thuế giá trị gia tăng phải nộp, doanh nghiệp A được tính khấu trừ thuế đầu vào của mía là:

$$200.000 \text{ đồng/tấn} \times 100 \text{ tấn} \times 5\% = 1.000.000 \text{ đồng.}$$

Việc tính khấu trừ thuế đầu vào đối với nguyên liệu mua vào là nông sản, lâm sản, thủy sản trên đây không áp dụng đối với các cơ sở mua để sản xuất hàng xuất khẩu, kinh doanh thương nghiệp, kinh doanh ăn uống.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng thì chỉ được khấu trừ số thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số bán ra.

*Ví dụ 2:* Như ví dụ 1, doanh nghiệp A chỉ dùng điện cho sản xuất xi măng là 4000 Kw, còn 1000 Kw là điện tiêu dùng của khu tập thể cán bộ, công nhân viên (cơ sở hạch toán riêng được số điện dùng cho cán bộ, công nhân viên) thì cơ sở chỉ được tính khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

của điện dùng cho sản xuất xi măng, cụ thể như sau:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của điện được khấu trừ trong tháng là:

$4.000 \text{ KW} \times 700 \text{ đ/KW} \times 10\% = 280.000 \text{ đồng}$   
thay vì 350.000 đồng như ở ví dụ 1 (trên đây).

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh cả hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng nhưng không hạch toán riêng được thuế đầu vào được khấu trừ, thì thuế đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ (%) doanh số của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra.

*Ví dụ 3:* Trong kỳ tính thuế ở một doanh nghiệp vừa sản xuất bia (mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt) và nước ngọt (mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng) có chi phí mua một số loại vật tư dùng chung cho sản xuất hai loại sản phẩm này nhưng không hạch toán được riêng dùng cho sản xuất từng loại sản phẩm là bao nhiêu. Thuế đầu vào của các vật tư này như sau:

- Tổng giá trị vật tư mua vào là 1.500 triệu đồng (giá không có thuế giá trị gia tăng).

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào tổng hợp theo hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào là 120 triệu đồng.

- Doanh số hàng hóa sản xuất bán ra: 3.000 triệu đồng (chưa có thuế giá trị gia tăng).

Trong đó:

+ Doanh số hàng hóa thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng là: 2.000 triệu đồng.

+ Doanh số hàng hóa thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng là 1.000 triệu đồng (đối với mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tính theo giá do cơ sở sản xuất bán ra).

+ Thuế đầu ra tính trên giá bán hàng chịu thuế giá trị gia tăng là: 200 triệu đồng.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các loại vật tư nói trên tính như sau:

+ Xác định tỷ lệ doanh số hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng trên tổng doanh số hàng bán ra:

$2.000 \text{ triệu đồng} / 3.000 \text{ triệu đồng} = 66,6\%$

+ Thuế đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ (%) này là:

$120 \text{ triệu đồng} \times 66,6\% = 79,9 \text{ triệu đồng}$

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp của sản phẩm nước ngọt là:

$200 \text{ triệu đồng} - 79,9 \text{ triệu đồng} = 120,1 \text{ triệu đồng.}$

\* Thuế đầu vào của tài sản cố định được khấu trừ như sau:

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế đầu vào của tài sản cố định được khấu trừ thì kê khai khấu trừ thuế đầu vào của tài sản cố định như đối với vật tư, hàng hóa khác. Trường hợp số thuế đầu vào của tài sản cố định lớn, cơ sở được tính khấu trừ dần, nếu đã tính khấu trừ 3 tháng mà số thuế còn lại chưa được khấu trừ vẫn còn thì doanh nghiệp làm thủ tục yêu cầu cơ quan thuế xét hoàn lại số thuế chưa được khấu trừ.

*Ví dụ 1:* Trong năm, doanh nghiệp X mở rộng sản xuất mua sắm máy móc thiết bị mới trị giá 10 tỷ đồng, thuế giá trị gia tăng đầu vào 1 tỷ đồng. Sau khi trừ vào số thuế phải nộp trong 3 tháng, doanh nghiệp X vẫn còn 600 triệu đồng chưa được khấu trừ thuế đầu vào, doanh nghiệp X có thể làm thủ tục yêu cầu cơ quan thuế hoàn lại số thuế 600 triệu đồng.

Riêng đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng nhưng là cơ sở đầu tư mới, chưa có phát sinh doanh thu bán hàng, chưa có thuế đầu ra để tính khấu trừ thuế đầu vào của tài sản cố định đầu tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm (tính theo năm dương lịch). Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phát sinh lớn, cơ sở có thể đề nghị giải quyết hoàn thuế theo từng quý.

*Ví dụ 2:* Cơ sở sản xuất A có dự án đầu tư, tổng trị giá xây lắp là 40.000 triệu đồng và mua máy móc, thiết bị là 15.000 triệu đồng. Công trình

được thi công trong 3 năm, năm đầu nhập máy móc thiết bị trị giá 5.000 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng nộp ở khâu nhập khẩu là 500 triệu đồng và đã thực hiện thanh toán cho bên nhận thầu xây dựng với giá trị xây lắp hoàn thành là 1.000 triệu đồng (giá chưa có thuế giá trị gia tăng); thuế giá trị gia tăng đầu vào tính trên giá trị nhà xưởng đã nhận bàn giao là 100 triệu đồng. Như vậy, số thuế giá trị gia tăng đầu vào của vật tư và tài sản cố định nhập khẩu phát sinh trong năm là 600 triệu đồng. Cơ sở sẽ được hoàn số tiền thuế giá trị gia tăng của tài sản đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phần D của Thông tư này.

## 2. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng trực tiếp trên giá trị gia tăng:

a) Đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng là:

- Cá nhân sản xuất, kinh doanh là người Việt Nam;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hóa đơn chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế;

- Cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

b) Xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp:

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp	=	Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế	x	Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó
---	---	--	---	--

Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ	=	Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra (1)	-	Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng (2)
--	---	--	---	---

(1) Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá bán thực tế bên mua phải thanh toán cho bên bán, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên mua phải trả.

(2) Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua

vào tương ứng của hàng hóa, dịch vụ bán ra được xác định bằng giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào (giá mua bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) mà cơ sở sản xuất, kinh doanh đã dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

*Ví dụ:* Một cơ sở A sản xuất đồ gỗ, trong tháng bán được 150 sản phẩm, tổng doanh số bán là 25 triệu đồng.

- Giá trị vật tư, nguyên liệu mua ngoài để sản xuất 150 sản phẩm là 19 triệu đồng, trong đó:

+ Nguyên liệu chính (gỗ): 14 triệu đồng

+ Vật liệu và dịch vụ mua ngoài khác: 5 triệu đồng

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%, thuế giá trị gia tăng cơ sở A phải nộp được tính như sau:

+ Giá trị gia tăng của sản phẩm bán ra:

25 triệu đồng - 19 triệu đồng = 6 triệu đồng.

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp:

6 triệu đồng x 10% = 0,6 triệu đồng.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) doanh số hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) doanh số hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra quy định trên đây bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào quy định trên đây bao gồm cả các khoản thuế và phí đã trả tính trong giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc hàng hóa nhập khẩu.

c) Phương pháp xác định giá trị gia tăng làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với từng cơ sở kinh doanh như sau:

- Đối với cơ sở kinh doanh đã thực hiện đầy đủ việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ có hóa đơn, chứng từ, ghi chép sổ sách kế toán thì giá trị gia tăng được xác định căn cứ vào giá mua, giá bán ghi trên chứng từ.

- Đối với cơ sở kinh doanh đã thực hiện đầy đủ hóa đơn, chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ, xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ nhưng không có đủ hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ thì giá trị gia tăng được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu.

- Đối với cá nhân (hộ) kinh doanh chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ hóa đơn mua, bán hàng hóa, dịch vụ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình kinh doanh của từng hộ ấn định mức doanh thu tính thuế; giá trị gia tăng được

xác định bằng doanh thu ấn định nhân với tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu.

Tổng cục Thuế hướng dẫn các Cục thuế xác định tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng phù hợp với từng ngành nghề kinh doanh và hợp lý giữa các địa phương.

#### IV. HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ MUA BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Các cơ sở kinh doanh phải thực hiện đầy đủ việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

1. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế phải sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng (trừ trường hợp được dùng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Khi lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn và ghi rõ: giá bán chưa có thuế, phụ thu và phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế giá trị gia tăng, tổng giá thanh toán đã có thuế.

Nếu cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ không ghi tách riêng doanh số bán và thuế giá trị gia tăng, chỉ ghi chung giá thanh toán thì thuế giá trị gia tăng đầu ra phải tính trên giá thanh toán.

Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với trường hợp hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ không ghi thuế giá trị gia tăng (trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù được dùng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng).

2. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng và các cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng sử dụng hóa đơn thông thường. Giá bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là giá thực thanh toán đã có thuế giá trị

gia tăng (đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng).

3. Cơ sở kinh doanh muốn sử dụng hóa đơn, chứng từ khác với mẫu quy định chung (kể cả loại hóa đơn tự phát hành) phải đăng ký với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) và chỉ được sử dụng khi đã được thông báo bằng văn bản cho sử dụng. Mọi trường hợp doanh nghiệp đăng ký sử dụng loại hóa đơn tự in phải đảm bảo các nội dung, chỉ tiêu ghi trong hóa đơn theo mẫu quy định.

4. Cơ sở kinh doanh trực tiếp bán lẻ hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ có giá trị thấp dưới mức quy định phải lập hóa đơn thì có thể không phải lập hóa đơn. Nếu cơ sở không lập hóa đơn thì phải lập bảng kê bán lẻ theo mẫu số 05/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này(\*) để làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng; trường hợp người mua yêu cầu lập hóa đơn bán hàng thì phải lập hóa đơn theo đúng quy định.

5. Cơ sở kinh doanh mua các mặt hàng là nông sản, lâm sản, thủy sản của người sản xuất trực tiếp bán ra hoặc người không kinh doanh bán, nếu không có hóa đơn theo chế độ quy định thì phải lập bảng kê hàng hóa mua vào theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này(\*).

Cơ sở kinh doanh phải thực hiện việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ do Bộ Tài chính ban hành.

## C. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ

### I. ĐĂNG KÝ NỘP THUẾ

1. Các cơ sở kinh doanh, kể cả các đơn vị, chi nhánh, cửa hàng trực thuộc cơ sở kinh doanh chính phải đăng ký nộp thuế với Cục thuế (hoặc Chi cục thuế nếu là cá nhân kinh doanh) về địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, lao động, tiền vốn, nơi nộp thuế và các chỉ tiêu liên quan khác theo mẫu đăng ký nộp thuế và hướng dẫn của cơ quan thuế.

Đối với cơ sở mới thành lập, thời gian đăng ký nộp thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng có hoạt động kinh doanh, cơ sở phải đăng ký nộp thuế trước khi kinh doanh.

Các cơ sở đã đăng ký nộp thuế nếu có thay đổi ngành nghề kinh doanh, sáp nhập, giải thể, phá sản, hợp nhất, chia, tách hay có tổ chức các cửa hàng, chi nhánh.v.v. phải đăng ký bổ sung với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi có sự thay đổi đó.

2. Cơ sở hoạt động sản xuất ở một số địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) nhưng có trụ sở, văn phòng giao dịch làm thủ tục bán hàng ở một địa phương khác thì cơ sở bán hàng cũng phải đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế địa phương nơi bán hàng.

3. Những cơ sở kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ có chi nhánh, cửa hàng ở các địa phương khác nhau thì từng chi nhánh, cửa hàng phải đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đặt chi nhánh, cửa hàng.

4. Cơ sở xây dựng phải đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đóng trụ sở, đồng thời phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương nơi xây dựng công trình.

5. Cơ sở thực hiện cơ chế khoán cho tập thể, cá nhân kinh doanh theo phương thức tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh thì tập thể, cá nhân nhận khoán phải trực tiếp đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế nơi kinh doanh.

6. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng, nếu thực hiện được đúng, đủ các điều kiện mua, bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, ghi chép hạch toán sổ kế toán đúng chế độ, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đúng chế độ và tự nguyện đăng ký thực hiện hình thức nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế thì được áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế. Cơ sở phải lập và gửi bản

(\*) Không in mẫu



dăng ký nộp thuế cho cơ quan thuế nơi cơ sở đăng ký nộp thuế. Cơ quan thuế khi nhận được đăng ký của cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, thông báo kịp thời cho cơ sở về việc được áp dụng hay không được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng (nêu rõ lý do không được áp dụng) trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ sở. Cơ sở chỉ được thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ khi được cơ quan thuế thông báo cho áp dụng.

Những cá nhân (hộ) kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nếu cơ quan thuế xét thấy có đủ điều kiện áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế thì thông báo cho cơ sở thực hiện.

**7. Về việc cấp mã số cho đối tượng nộp thuế:**  
Các cơ sở kinh doanh đã thực hiện đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế cho cơ sở kinh doanh theo chế độ quy định về việc cấp mã số cho đối tượng nộp thuế.

## II. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người nhập khẩu hàng hóa phải có trách nhiệm kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định như sau:

**1. Các cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng phải lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế giá trị gia tăng từng tháng kèm theo bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu quy định. Thời gian gửi tờ khai của tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong mười ngày đầu tháng tiếp theo.**

Trong trường hợp không phát sinh doanh số bán hàng hóa, dịch vụ, thuế đầu vào, thuế đầu ra, cơ sở kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế. Cơ sở phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai thuế và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã gửi tờ khai cho cơ quan thuế, sau đó phát hiện có sự sai sót về số liệu kê khai, cơ

sở phải thông báo cho cơ quan thuế biết, đồng thời lập lại tờ khai thay cho tờ khai không đúng hoặc ghi điều chỉnh vào tờ khai tháng tiếp sau (nếu phát hiện sai sót sau khi cơ quan thuế đã ra thông báo nộp thuế).

Việc kê khai thuế phải nộp đối với một số trường hợp quy định như sau:

- Cơ sở nhận thầu xây dựng mà thời gian xây dựng kéo dài, việc thanh toán tiền thực hiện theo tiến độ hoặc theo khối lượng công việc hoàn thành bàn giao thì cơ sở phải kê khai xác định thuế tạm nộp phát sinh hàng tháng tính theo số tiền tạm thanh toán. Khi lập hóa đơn thanh toán khối lượng xây lắp bàn giao cũng phải xác định rõ phần doanh thu chưa có thuế và thuế giá trị gia tăng. Nếu hóa đơn lập để thanh toán không xác định rõ giá thanh toán chưa có thuế giá trị gia tăng và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra tính trên tổng doanh thu đã thanh toán.

Ví dụ: Công ty xây dựng Hà Nội nhận thầu xây dựng cho Công ty B một khách sạn. Trong tháng 3 năm 1999, Công ty nhận được một khoản thanh toán là 600 triệu đồng (không ghi cụ thể thuế giá trị gia tăng) thì thuế đầu ra Công ty xây dựng Hà Nội phải kê khai trong tháng là:

$$600 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 60 \text{ triệu đồng.}$$

- Cơ sở xuất hàng bán thông qua các đại lý, ký gửi phải lập hóa đơn ghi rõ giá giao và thuế giá trị gia tăng hàng giao cho các đại lý, ký gửi làm cơ sở tính thuế đầu ra và thuế phải nộp của tháng (coi là tạm nộp). Khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc năm tài chính, cơ sở thực hiện kê khai quyết toán hàng thực tế đã bán để xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp theo thực tế.

- Cơ sở bán hàng đại lý, ký gửi kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp tính trên doanh thu của hoạt động đại lý, ký gửi theo phương pháp tính thuế áp dụng đối với cơ sở.

- Các trường hợp đại lý dưới đây không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với tiền hoa hồng thu được từ hoạt động đại lý:

+ Đại lý bán hàng hóa theo phương thức bán

đúng giá bên chủ hàng quy định, bên đại lý chỉ hưởng tiền hoa hồng, doanh số bán hàng và thuế giá trị gia tăng tính trên hàng hóa bán ra, bên làm đại lý thanh toán trả toàn bộ cho bên chủ hàng, thuế giá trị gia tăng do chủ hàng thực hiện kê khai, nộp tính trên giá hàng hóa đại lý bán ra.

+ Đại lý bán vé xổ số kiến thiết hưởng hoa hồng, thuế giá trị gia tăng do các công ty xổ số kiến thiết kê khai, nộp tập trung tại công ty.

- Đối với các tổng công ty, công ty có các đơn vị trực thuộc, việc kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp thực hiện như sau:

+ Các đơn vị hạch toán độc lập và các đơn vị hạch toán phụ thuộc xác định được thuế giá trị gia tăng đầu ra và thuế giá trị gia tăng đầu vào phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi cơ sở kinh doanh.

+ Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, thực hiện hạch toán giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá điều chuyển nội bộ, không xác định được doanh thu, thuế giá trị gia tăng phải nộp thì do công ty hoặc tổng công ty kê khai, nộp thuế tập trung thay cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Các văn phòng công ty, tổng công ty nếu trực tiếp kinh doanh thì được tính khấu trừ hay hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh tại văn phòng. Nếu không trực tiếp kinh doanh thì không được khấu trừ hay hoàn thuế giá trị gia tăng.

+ Các đơn vị trực thuộc tổng công ty như: bệnh viện, trạm xá, nhà nghỉ điều dưỡng, viện, trường... không trực tiếp hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và không được tính khấu trừ hay hoàn trả thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ do cơ sở mua để dùng cho hoạt động của cơ sở. Nếu các đơn vị này có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì phải hạch toán riêng và kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.

Các tổng công ty, công ty căn cứ vào tình hình tổ chức và hoạt động kinh doanh của đơn vị mình,

xác định và đăng ký cụ thể đối tượng thuộc diện phải kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế nơi cơ sở kinh doanh. Trường hợp cần áp dụng việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng khác với hướng dẫn trên đây thì tổng công ty, công ty phải báo cáo với Bộ Tài chính để có hướng dẫn cụ thể.

2. Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tại Việt Nam nhưng không có văn phòng hay trụ sở điều hành ở Việt Nam thì tổ chức, cá nhân ở Việt Nam trực tiếp ký hợp đồng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ với tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài trước khi thanh toán tiền trả phía nước ngoài.

*Ví dụ 1:* Công ty A ở Việt Nam nhận làm đại lý bán hàng hóa cho một công ty ở nước ngoài thì Công ty A phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu và bán trong nước như đối với hàng hóa do Công ty nhập khẩu để bán.

*Ví dụ 2:* Công ty B ở Việt Nam thuê công ty ở nước ngoài thiết kế xây dựng theo giá hợp đồng dịch vụ là 100.000 USD, Công ty B ở Việt Nam phải nộp khoản thuế giá trị gia tăng tính trên giá thanh toán dịch vụ này. Khoản thuế giá trị gia tăng Công ty B đã nộp được coi là thuế đầu vào để tính khấu trừ theo quy định khấu trừ thuế.

3. Cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu có nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng phải kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan hải quan thu thuế nhập khẩu.

4. Cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai nộp thuế theo từng chuyển hàng với cơ quan thuế nơi mua hàng, trước khi vận chuyển hàng đi. Số thuế phải nộp đối với hàng hóa buôn chuyển tính theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng.

5. Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế giá trị gia tăng khác nhau phải kê khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684

từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

*Ví dụ:* Công ty du lịch A có hoạt động kinh doanh khách sạn, ăn uống, dịch vụ, điện thoại, bán đồ lưu niệm, bia, nước ngọt, và thuốc chữa bệnh.

Công ty du lịch A phải hạch toán riêng doanh thu từng hoạt động kinh doanh, mặt hàng bán ra để tính thuế giá trị gia tăng theo thuế suất của từng hoạt động; mặt hàng:

- Kinh doanh khách sạn, du lịch, ăn uống: 20%;
- Dịch vụ điện thoại và bán các mặt hàng bia, nước ngọt, bánh kẹo, rượu, đồ lưu niệm: 10%;
- Bán thuốc phòng bệnh, chữa bệnh: 5%.

Nếu Công ty du lịch A không hạch toán riêng được doanh thu và thuế đầu ra theo từng loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất khác nhau thì cơ sở phải nộp thuế giá trị gia tăng với thuế suất là 20% tính trên tổng doanh thu.

Trong trường hợp cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu không gửi tờ kê khai thuế, hoặc kê khai không đầy đủ, không đúng quy định, cơ quan thuế có quyền căn cứ vào tình hình kinh doanh của cơ sở và các số liệu điều tra để ấn định doanh thu và tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp, thông báo cho cơ sở thực hiện. Nếu cơ sở kinh doanh không đồng ý với mức thuế do cơ quan thuế ấn định có quyền khiếu nại lên cơ quan thuế cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền nhưng trong khi chờ giải quyết vẫn phải nộp theo mức thuế đã được ấn định của cơ quan thuế.

### III. NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Các cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu thuộc đối tượng phải kê khai thuế quy định tại Điểm II trên đây và các cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng tính theo mức ấn định doanh thu để tính giá trị gia tăng và số thuế phải nộp có trách nhiệm nộp thuế giá trị gia tăng đầy đủ, đúng hạn vào ngân sách nhà nước theo thông báo nộp thuế của cơ quan thuế.

Trình tự, thủ tục nộp thuế thực hiện như sau:

1. Đối với cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo nộp thuế của cơ quan thuế; thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Khi nhận được thông báo nộp thuế, căn cứ vào số thuế phải nộp ghi trên thông báo, cơ sở thực hiện nộp tiền thuế trực tiếp vào ngân sách nhà nước (tại Kho bạc nhà nước). Đối với cơ sở có mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, có thể làm thủ tục đề nghị ngân hàng trích chuyển tiền từ tài khoản của cơ sở kinh doanh nộp vào ngân sách nhà nước, thời gian nộp thuế vào ngân sách nhà nước được tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền từ tài khoản của cơ sở kinh doanh vào ngân sách nhà nước. Trong trường hợp đã đến thời hạn nộp thuế mà cơ sở chưa nhận được thông báo nộp thuế thì cơ sở căn cứ vào số thuế phải nộp theo kê khai của cơ sở để chủ động nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

Đối với những cơ sở có số thuế nộp hàng tháng lớn thì thực hiện tạm nộp số thuế phát sinh trong tháng theo định kỳ 10 ngày hoặc 15 ngày một lần, khi kê khai số thuế phải nộp của cả tháng trừ số thuế đã tạm nộp, cơ sở sẽ nộp tiếp số thuế còn thiếu. Kỳ nộp thuế do cơ quan thuế xác định và thông báo cho cơ sở thực hiện.

Đối với những cá nhân (hộ) kinh doanh nộp thuế tính theo mức ấn định trên doanh thu, cơ quan thuế căn cứ vào mức thuế đã được xác định để ra thông báo nộp thuế. Thời gian thông báo nộp thuế của tháng đối với các hộ kinh doanh do cơ quan thuế xác định phù hợp với từng ngành nghề và địa bàn nhưng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp sau.

Đối với những cá nhân (hộ) kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở địa bàn xa Kho bạc nhà nước hoặc kinh doanh lưu động, không thường xuyên thì cơ quan thuế tổ chức thu thuế và nộp vào ngân sách nhà nước. Thời hạn cơ quan thuế phải nộp tiền thuế đã thu vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá 3 ngày (kể từ ngày thu được tiền thuế); riêng đối với vùng núi, hải

096-360  
 Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
 LawSoft

đảo, vùng đi lại khó khăn chậm nhất không quá 6 ngày.

**2.** Cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế giá trị gia tăng theo từng lần nhập khẩu. Thời hạn thông báo và thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo thời hạn thông báo nộp thuế nhập khẩu.

Đối với hàng hóa không phải nộp thuế nhập khẩu hoặc có thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% thì thời hạn phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng thực hiện như quy định đối với hàng hóa phải nộp thuế nhập khẩu.

Đối với hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới không áp dụng hình thức thông báo nộp thuế phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng ngay khi nhập khẩu.

Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu như: nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, quà biếu, quà tặng, hàng viện trợ nhân đạo, hàng hóa viện trợ không hoàn lại .v.v. nếu đem bán hoặc xuất dùng vào mục đích khác phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở như quy định đối với hàng hóa do cơ sở kinh doanh.

**3.** Cơ sở kinh doanh cố định, đi mua nguyên liệu, hàng hóa, vận chuyển hàng của cơ sở đi bán hoặc trao đổi với cơ sở khác, vận chuyển trong nội bộ cơ sở phải có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng lưu thông trên thị trường. Nếu không có đủ chứng từ theo quy định, cơ sở phải nộp thuế giá trị gia tăng tính trên giá trị hàng hóa, hàng nhập khẩu còn phải truy thu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu.

Trong mọi trường hợp thu thuế, cơ quan thu thuế phải cấp biên lai thu thuế hoặc chứng từ xác nhận việc đã thu thuế cho người nộp thuế bằng biên lai, chứng từ do Bộ Tài chính thống nhất phát hành. Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực hiện chế độ sổ sách, ghi chép kế toán hạch toán rõ ràng số thuế giá trị gia tăng trên hóa đơn, chứng từ để

làm căn cứ tính số thuế giá trị gia tăng phải nộp và số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

**4.** Trong một kỳ tính thuế, nếu cơ sở kinh doanh có số thuế nộp thừa kỳ trước được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu kỳ trước nộp thiếu thì phải nộp đủ số kỳ trước còn thiếu. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nếu trong kỳ tính thuế có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế phải nộp đầu ra thì được tính khấu trừ số thuế lớn hơn đó vào kỳ tính thuế tiếp theo. Trong các trường hợp cơ sở kinh doanh đầu tư mới tài sản cố định có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn thì được khấu trừ dần hoặc được hoàn thuế theo quy định tại Phần D của Thông tư này.

**5.** Thuế giá trị gia tăng nộp vào ngân sách nhà nước bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh thu hoặc mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh hoạt động mua, bán hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ để xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp.

#### IV. QUYẾT TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP thì tất cả các cơ sở kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế (trừ hộ kinh doanh vừa và nhỏ nộp thuế theo mức ấn định doanh thu, hộ kinh doanh buôn chuyển nộp thuế theo từng chuyến hàng) đều phải thực hiện quyết toán thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế.

Năm quyết toán thuế được tính theo năm dương lịch, thời hạn cơ sở kinh doanh phải nộp quyết toán cho cơ quan thuế chậm nhất không quá 60 ngày, kể từ ngày 31 tháng 12 của năm quyết toán thuế.

Trong trường hợp cơ sở kinh doanh sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, cơ sở cũng phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế

trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản.

Cơ sở kinh doanh phải thực hiện quyết toán tài chính theo chế độ Nhà nước quy định; trên cơ sở quyết toán tài chính, cơ sở kinh doanh có trách nhiệm kê khai toàn bộ số thuế phải nộp, số đã nộp của năm hoặc thời hạn quyết toán, số còn thiếu hay nộp thừa tính đến thời điểm quyết toán thuế. Cơ sở phải kê khai đầy đủ, đúng các chỉ tiêu và số liệu theo mẫu quyết toán thuế; gửi bản quyết toán thuế đến cơ quan thuế địa phương nơi cơ sở đăng ký nộp thuế trong thời gian quy định trên đây. Trường hợp cơ sở kinh doanh được áp dụng quyết toán tài chính khác với năm dương lịch thì vẫn phải quyết toán thuế giá trị gia tăng theo năm dương lịch.

Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm nộp số thuế giá trị gia tăng còn thiếu vào ngân sách nhà nước sau 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán thuế, nếu nộp thừa được trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp sau, hoặc được hoàn thuế nếu cơ sở thuộc trường hợp và đối tượng được hoàn thuế.

Cơ sở kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của số liệu quyết toán thuế, nếu cơ sở kinh doanh báo cáo sai để trốn, lậu thuế sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

## D. HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau:

a) Có số thuế đầu vào được khấu trừ của các tháng trong quý thường xuyên lớn hơn số thuế đầu ra phát sinh các tháng trong quý.

*Ví dụ:* Doanh nghiệp A kinh doanh hàng xuất khẩu, số thuế giá trị gia tăng đầu vào của doanh nghiệp A trong các tháng của quý I năm 1999 như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Thời gian	Thuế đầu vào	Thuế đầu ra	Thuế phải nộp	Lũy kế số thuế phải nộp
Tháng 1	200	100	-100	-100
Tháng 2	400	300	-100	-200
Tháng 3	500	100	-400	-600

Theo ví dụ trên, liên tục 3 tháng trong quý I, doanh nghiệp A có số thuế đầu vào lớn hơn thuế đầu ra. Doanh nghiệp A thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng được thực hiện vào đầu quý tiếp sau và số thuế được hoàn là 600 triệu đồng.

Hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng:

Để có cơ sở giải quyết hoàn thuế cho cơ sở kinh doanh, cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị xét hoàn lại tiền thuế giá trị gia tăng đã nộp, hồ sơ gồm có:

Công văn đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đã nộp có nêu lý do xin hoàn thuế và số thuế xin hoàn kèm theo:

+ Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đầu ra, số thuế đầu vào được khấu trừ, số thuế đã nộp, số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị hoàn lại.

+ Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ liên quan đến việc xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra.

Nếu việc kê khai thuế hàng tháng đã đầy đủ và chính xác, cơ sở chỉ cần tổng hợp số liệu đã kê khai các tháng để xác định số thuế đề nghị hoàn trả.

b) Cơ sở kinh doanh xuất khẩu mặt hàng theo thời vụ hoặc theo từng lần xuất khẩu với số lượng lớn, nếu phát sinh số thuế đầu vào được khấu trừ lớn thì được xét hoàn thuế giá trị gia tăng theo từng kỳ hoặc tháng.

*Ví dụ:* Công ty A mua hàng hóa là nông sản chế biến của các cơ sở sản xuất để xuất khẩu, để đảm bảo lượng hàng xuất khẩu theo hợp đồng giao hàng vào tháng 5 năm 1999; trong tháng 3 và tháng 4, Công ty phải huy động vốn vay để thu mua lượng hàng lớn, vì vậy cũng phát sinh số thuế

giá trị gia tăng đầu vào lớn thì trong trường hợp này, Công ty có thể đề nghị giải quyết hoàn thuế đầu vào đối với số hàng mua để xuất khẩu. Hồ sơ xin hoàn thuế thực hiện như quy định tại Điểm a.

**2. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có đầu tư, mua sắm tài sản cố định, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ lớn được hoàn thuế như sau:**

a) Đối với cơ sở đầu tư mới đã đăng ký nộp thuế nhưng chưa có phát sinh doanh thu bán hàng để tính thuế giá trị gia tăng đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ một năm trở lên được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Trường hợp cơ sở có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn lớn thì được xét hoàn thuế từng quý.

*Ví dụ 1:* Cơ sở kinh doanh mới được thành lập năm 1999, trong năm 1999 thực hiện đầu tư phần giá trị xây lắp là 6 tỷ đồng, giá trị máy móc, thiết bị là 2 tỷ đồng.

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của vật tư dùng trong xây lắp là 400 triệu đồng.

- Thuế giá trị gia tăng của máy móc, thiết bị nhập khẩu là 200 triệu đồng.

Đến cuối năm 1999, công trình chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, chưa có doanh thu nên chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng phải nộp. Sau khi lập báo cáo quyết toán thuế giá trị gia tăng, năm 1999 xác định số thuế đầu vào 600 triệu đồng thuộc diện được hoàn thuế thì cơ sở làm hồ sơ đề nghị cơ quan thuế giải quyết hoàn số tiền thuế giá trị gia tăng là 600 triệu đồng cho cơ sở.

Trường hợp cơ sở mới đầu tư nhưng chưa thành lập doanh nghiệp, hoặc đã thành lập doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp chưa đăng ký nộp thuế thì không thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định này.

b) Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản đầu tư đã khấu trừ trong 3 tháng (kể từ tháng phát sinh thuế đầu vào của tài sản đầu tư) mà chưa được khấu trừ hết thì được hoàn lại số thuế chưa được khấu trừ này.

*Ví dụ 2:* Doanh nghiệp A trong quý I năm 1999 có mua sắm một số máy móc thiết bị mới để đầu tư mở rộng một dây chuyền sản xuất, thuế giá trị gia tăng đầu vào là 500 triệu đồng. Trong quý II số thuế giá trị gia tăng đầu ra chỉ phát sinh sau khi trừ số thuế đầu vào, tính ra số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản đầu tư chưa được khấu trừ cuối quý II vẫn còn 300 triệu đồng (mới được khấu trừ 200 triệu đồng). Doanh nghiệp A thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định chưa được khấu trừ là 300 triệu đồng.

Cơ sở thuộc đối tượng quy định được hoàn thuế theo quy định tại Điểm 2 trên đây phải lập hồ sơ xin hoàn thuế, ngoài các hồ sơ theo quy định chung, cơ sở phải gửi kèm theo luận chứng hay dự án đầu tư.

**3. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản có thuế giá trị gia tăng nộp thừa, cơ sở có quyền đề nghị cơ quan thuế hoàn lại số thuế giá trị gia tăng nộp thừa.**

Cơ sở kinh doanh phải có các hồ sơ sau:

- Công văn đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng nộp thừa vào ngân sách nhà nước.

- Quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản của cấp có thẩm quyền.

- Quyết toán thuế giá trị gia tăng đến thời điểm sáp nhập, giải thể.

**4. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính yêu cầu phải hoàn trả lại thuế cho cơ sở kinh doanh.**

## II. THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

### 1. Thẩm quyền giải quyết hoàn thuế:

- Chi cục thuế có trách nhiệm và thẩm quyền xem xét giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng đối

với các cá nhân (hộ) kinh doanh do Chi cục thuế quản lý thu thuế.

- Cục thuế có nhiệm vụ và thẩm quyền xem xét và giải quyết hoàn thuế đối với các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế và các tổ chức kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng nhưng là đối tượng do Cục thuế quản lý thu thuế.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hoàn thuế đối với các trường hợp đặc biệt và hoàn thuế cho các tổng công ty được thành lập theo Quyết định số 90/TTg, 91/TTg của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp việc hoàn thuế tập trung tại văn phòng tổng công ty.

## **2. Thủ tục, trình tự giải quyết hoàn thuế:**

Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng được hoàn thuế lập đúng, đủ các hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định và chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định số thuế hoàn trả cho cơ sở kinh doanh; ra quyết định hoàn thuế cho cơ sở gửi cơ quan kho bạc. Kho bạc có trách nhiệm làm thủ tục hoàn trả tiền thuế cho cơ sở trong thời hạn là 5 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn xét giải quyết hoàn thuế cho cơ sở đối với cơ quan thuế là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ; trong trường hợp phải kiểm tra xác minh hồ sơ mất nhiều thời gian thì thời hạn giải quyết cũng không được kéo dài quá 30 ngày. Đối với các trường hợp cần bổ sung hồ sơ, hoặc không thuộc đối tượng được hoàn thuế, cơ quan thuế phải thông báo cho cơ sở biết trong thời hạn là 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Đối với các trường hợp và đối tượng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính giải quyết hoàn thuế, Cục trưởng Cục thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác định các số liệu báo cáo Tổng cục Thuế tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

## **D. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ**

1. Cơ quan thuế có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Những cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng các quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế thì cơ quan thuế xử lý phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của pháp luật đối với những cơ sở này.

2. Thông báo nộp thuế cho cơ sở kinh doanh về số thuế phải nộp và thời hạn nộp thuế đúng thời gian quy định. Thông báo nộp thuế phải gửi tới đối tượng nộp thuế trước ngày phải nộp thuế ghi trên thông báo chậm nhất là ba ngày, thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp sau.

Riêng các cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế tính theo doanh thu ấn định, việc thông báo thuế và ấn định ngày nộp thuế được thực hiện ngay trong tháng hoặc vào đầu tháng tiếp sau.

Nếu quá thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo mà cơ sở kinh doanh chưa nộp thì tiếp tục ra thông báo; nếu đã đến ngày phải nộp theo luật định mà cơ sở chưa nộp thì thông báo thuế bao gồm cả số tiền thuế và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Luật Thuế giá trị gia tăng. Thời hạn tính phạt chậm nộp thuế hàng tháng kể từ ngày 26 của tháng tiếp theo; thời hạn tính phạt chậm nộp đối với hàng hóa nhập khẩu và các trường hợp khác là sau ngày quy định phải nộp theo luật định. Nếu cơ sở vẫn không chấp hành nộp tiền thuế, tiền phạt theo thông báo thì cơ quan thuế có quyền áp dụng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính về thuế quy định tại Khoản 4 Điều 19 của Luật Thuế giá trị gia tăng để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt. Nếu thực hiện các biện pháp xử lý hành chính về thuế mà cơ sở kinh doanh vẫn không nộp đủ số tiền thuế, số tiền phạt thì cơ

quan thuế chuyển hồ sơ sang các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

**3.** Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế của cơ sở kinh doanh đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**4.** Xử lý vi phạm hành chính về thuế và giải quyết khiếu nại về thuế theo quy định của pháp luật.

**5.** Yêu cầu các đối tượng nộp thuế cung cấp sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan tới việc tính thuế, nộp thuế; yêu cầu các tổ chức tín dụng, ngân hàng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp các tài liệu có liên quan tới việc tính thuế và nộp thuế.

**6.** Lưu giữ và sử dụng số liệu, tài liệu mà cơ sở kinh doanh và đối tượng khác cung cấp theo chế độ quy định.

**7.** Cơ quan thuế có quyền ấn định thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với các đối tượng nộp thuế trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ;

Đối với những cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng và cơ sở kinh doanh buôn chuyển chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ có hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình kinh doanh để xác định giá trị gia tăng và thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng nêu tại Điểm 3 Mục III Phần B của Thông tư này.

Đối với cá nhân, hộ kinh doanh vừa và nhỏ (gọi chung là hộ kinh doanh), số thuế ấn định phải nộp từng lần có thể được xác định làm căn cứ thu thuế ổn định trong thời gian là 6 tháng hoặc 12 tháng, tùy theo ngành nghề và mức biến động về giá cả, tình hình kinh doanh của đối tượng nộp thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo công khai về mức doanh thu và số thuế ấn định đối với các đối tượng này.

Hộ kinh doanh vừa và nhỏ nộp thuế theo mức ổn định trong từng thời gian, nếu trong thời gian đó có thay đổi kinh doanh hoặc nghỉ kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế để xem xét, điều chỉnh mức thuế đã ấn định; những hộ nghỉ kinh doanh trong tháng từ 15 ngày trở lên được xét giảm 50% số thuế phải nộp của tháng, nếu nghỉ cả tháng thì được miễn nộp thuế của tháng đó.

Hộ kinh doanh vừa và nhỏ thuộc đối tượng nộp thuế theo mức ổn định trong từng thời gian, nếu có số ngày nghỉ kinh doanh tới mức được giảm, miễn thuế, hộ kinh doanh phải làm đơn đề nghị (theo mẫu và hướng dẫn của cơ quan thuế), khai báo cụ thể số ngày nghỉ kinh doanh, lý do nghỉ gửi cơ quan thuế quận, huyện. Cơ quan thuế kiểm tra, nếu thực tế nghỉ kinh doanh thì giải quyết miễn, giảm thuế theo chế độ.

Hộ kinh doanh vừa và nhỏ được xác định theo ngành nghề phù hợp với tình hình cụ thể ở từng địa phương. Việc xác định hộ kinh doanh vừa và nhỏ do Bộ Tài chính quy định cụ thể. Các cục thuế căn cứ vào tình hình kinh doanh của các hộ và hướng dẫn về phân loại hộ, xác định cụ thể loại hộ vừa và nhỏ ở địa phương mình để áp dụng phương pháp quản lý, thu thuế theo quy định chung.

b) Không kê khai hoặc quá thời gian quy định gửi tờ khai mà đã được thông báo nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện đúng, đã nộp tờ khai thuế nhưng kê khai không đúng các căn cứ xác định số thuế giá trị gia tăng;

c) Từ chối việc xuất trình sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan tới việc tính thuế giá trị gia tăng;

d) Kinh doanh nhưng không có đăng ký kinh doanh, không đăng ký, kê khai, nộp thuế mà bị kiểm tra, phát hiện.

Cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu điều tra về tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở hoặc căn cứ vào số thuế phải nộp của cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, có quy mô kinh doanh tương đương để ấn định số thuế phải nộp đối với từng cơ sở kinh doanh trong các trường hợp nêu trên đây.



Trong trường hợp cơ sở kinh doanh không đồng ý với số thuế phải nộp được ấn định thì có quyền khiếu nại tới cơ quan thuế ấn định thuế hoặc cơ quan thuế cấp trên trực tiếp của cơ quan thuế ấn định thuế. Trong khi chờ giải quyết, cơ sở kinh doanh hay người khiếu nại vẫn phải nộp theo mức thuế đã được cơ quan thuế ấn định.

## E. XỬ LÝ VI PHẠM

### I. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THUẾ

Đối tượng nộp thuế vi phạm Luật Thuế giá trị gia tăng bị xử lý như sau:

1. Không thực hiện đúng những quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, kê khai lập sổ kế toán và giữ chứng từ hóa đơn liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị cảnh cáo, hoặc phạt tiền.

2. Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo thuế, lệnh thu thuế hoặc quyết định xử phạt, thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế hoặc tiền phạt theo luật định, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0,1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp.

3. Khai man, trốn thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị phạt tiền từ 1 đến 5 lần số tiền thuế gian lận; trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế mà còn có hành vi tiếp tục vi phạm nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Không nộp thuế, nộp phạt sẽ bị xử lý như sau:

a) Trích tiền gửi của đối tượng nộp thuế tại ngân hàng, kho bạc, tổ chức tín dụng để nộp thuế, nộp phạt;

Ngân hàng, kho bạc, tổ chức tín dụng có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối

tượng nộp thuế để nộp thuế, nộp phạt vào ngân sách nhà nước theo quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền trước khi thu nợ;

b) Giữ hàng hóa, tang vật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt;

c) Kê biên tài sản theo quy định của pháp luật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt còn thiếu.

\* Việc xử lý các vi phạm về thuế giá trị gia tăng nói trên được thực hiện theo các thủ tục, trình tự quy định tại các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm về thuế.

### II. THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THUẾ

Cơ quan thuế các cấp, khi phát hiện các cơ sở kinh doanh vi phạm về Luật Thuế giá trị gia tăng, phải kiểm tra xác định rõ hành vi vi phạm, mức độ, nguyên nhân vi phạm; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hành vi vi phạm, lập hồ sơ theo quy định. Căn cứ vào các quy định và mức độ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, cơ quan thuế trong phạm vi thẩm quyền xử phạt vi phạm của từng cấp mà ra quyết định xử phạt hoặc kiến nghị lên cơ quan thuế cấp trên hoặc cơ quan pháp luật xử lý theo thẩm quyền quy định, cụ thể như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế được quyền xử lý đối với các vi phạm của đối tượng nộp thuế quy định tại Điểm 1, Điểm 2 và xử phạt vi phạm hành chính về thuế quy định tại Điểm 3 Mục I Phần E của Thông tư này.

2. Cục trưởng, Chi cục trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế được áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điểm 4 Mục I Phần E của Thông tư này theo quy định của pháp luật và chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điểm 3 Mục I Phần E Thông tư này.

## G. KHIẾU NẠI VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH

### 1. Quyền và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế trong việc khiếu nại về thuế:

Theo quy định Điều 23 của Luật Thuế giá trị gia tăng, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về việc cán bộ thuế, cơ quan thuế thi hành không đúng Luật Thuế giá trị gia tăng đối với cơ sở. Đơn khiếu nại phải gửi cơ quan thuế phát hành thông báo thuế, lệnh thu hoặc quyết định xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được lệnh thu hoặc quyết định xử lý. Trong khi chờ giải quyết, tổ chức, cá nhân khiếu nại vẫn phải nộp đủ và đúng thời hạn số tiền thuế, tiền phạt đã thông báo. Nếu tổ chức, cá nhân khiếu nại không đồng ý với quyết định của cơ quan thuế giải quyết khiếu nại, hoặc quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi đơn chưa nhận được ý kiến giải quyết thì tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại lên cơ quan thuế cấp trên hoặc khởi kiện ra tòa án theo quy định của pháp luật.

Thủ tục, trình tự khiếu nại hay khởi kiện và việc xem xét, giải quyết phải thực hiện đúng theo các quy định pháp luật hiện hành.

### 2. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế:

Theo quy định Điều 24 của Luật Thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế các cấp khi nhận được đơn khiếu nại về thuế của đối tượng nộp thuế phải xem xét giải quyết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn. Đối với vụ việc phức tạp, phải điều tra xác minh mất nhiều thời gian, thì cần thông báo cho đương sự biết, nhưng thời gian giải quyết chậm nhất cũng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đơn; nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển hồ sơ hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho đương sự biết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Cơ quan thuế kiểm tra phát hiện và kết luận có sự khai man, trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế, xử lý phạt thì cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu hoặc hoàn trả số tiền thuế, tiền phạt tính không đúng trong thời hạn năm năm về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự khai man, trốn

thuế hoặc nhầm lẫn về thuế. Trường hợp cơ sở kinh doanh không đăng ký kê khai, nộp thuế thì thời hạn truy thu tiền thuế, tiền phạt kể từ khi cơ sở kinh doanh bắt đầu hoạt động.

## H. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999. Bãi bỏ các Thông tư và các văn bản khác quy định, hướng dẫn về thuế doanh thu.

2. Việc giải quyết những tồn tại về thuế, quyết toán thuế, miễn giảm thuế và xử lý các vi phạm về thuế doanh thu phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 vẫn thực hiện theo những quy định tương ứng của Luật Thuế doanh thu, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế doanh thu và các quy định về thuế doanh thu trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

3. Việc giải quyết về thuế đối với một số trường hợp chuyển tiếp từ thuế doanh thu sang thuế giá trị gia tăng như sau:

a) Đối với vật tư, hàng hóa, tài sản cố định tồn kho hoặc mua trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

b) Hàng hóa, dịch vụ mua, bán, trao đổi kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999 đều phải lập hóa đơn, chứng từ theo quy định Luật Thuế giá trị gia tăng và chế độ hóa đơn, chứng từ. Đối với một số loại hàng hóa, dịch vụ như điện, nước, điện thoại... cơ sở kinh doanh phát hành hóa đơn thu tiền của khách hàng sử dụng trong tháng 12 năm 1998 vào tháng 01 năm 1999 thì cũng phải thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng.

c) Đối với các công trình xây dựng dở dang chuyển từ những năm trước sang năm 1999 thì thuế giá trị gia tăng áp dụng như sau:

- Đối với khối lượng công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 không tính thuế giá trị gia tăng;

- Đối với khối lượng công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao từ ngày 01 tháng 01

năm 1999 thì khi lập chứng từ thanh toán, bên nhận thầu xây dựng phải xác định lại giá không có thuế giá trị gia tăng và thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

## II. MIỄN, GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Căn cứ vào Điều 28 Luật Thuế giá trị gia tăng và quy định tại Điều 20 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Tài chính quy định thủ tục và thẩm quyền xét miễn, giảm thuế như sau:

1. Đối tượng được xét giảm thuế giá trị gia tăng là các cơ sở sản xuất, xây dựng, vận tải hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ do nguyên nhân số thuế giá trị gia tăng phải nộp của các hoạt động này lớn hơn số thuế tính theo mức thuế doanh thu trước đây.

Các cơ sở thuộc đối tượng được xét giảm thuế giá trị gia tăng nếu có hoạt động kinh doanh khác thì việc xét giảm thuế giá trị gia tăng chỉ thực hiện đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải. Ngoài 3 đối tượng nêu trên, các cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác nếu phát sinh lỗ cũng không được xét giảm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức xét giảm thuế giá trị gia tăng đối với cơ sở thuộc đối tượng nêu trên phải thực hiện đúng các quy định sau đây:

+ Không quá số lỗ phát sinh của năm xin miễn, giảm thuế do nguyên nhân thuế giá trị gia tăng phải nộp lớn hơn số thuế doanh thu trước đây.

+ Không quá 50% số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh trong năm xin giảm thuế.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với cơ sở áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xác định bằng số thuế đầu ra trừ (-) số thuế đầu vào được khấu trừ và hoàn lại của năm được giảm thuế (trừ trường hợp do đầu tư tài sản cố định có số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ lớn).

Ví dụ: Ở Công ty cơ khí A, kết quả sản xuất, kinh doanh năm 1999 như sau:

- Doanh thu bán hàng 50 tỷ đồng (không có thuế giá trị gia tăng).

- Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh là 56 tỷ đồng (không có thuế giá trị gia tăng).

- Lỗ trong năm là 6 tỷ đồng:

+ Thuế suất thuế giá trị gia tăng của sản phẩm cơ khí là 10%.

+ Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa bán ra (thuế đầu ra) là:

$50 \text{ tỷ đồng} \times 10\% = 5 \text{ tỷ đồng}$ .

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là 3 tỷ đồng.

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh trong năm là:  $5 \text{ tỷ đồng} - 3 \text{ tỷ đồng} = 2 \text{ tỷ đồng}$ .

- Tính theo thuế suất thuế doanh thu trước đây, mặt hàng mà đơn vị sản xuất phải nộp thuế doanh thu với thuế suất là 2%, tính trên tổng doanh số khách hàng trả tiền hàng thì số thuế phải nộp là :

$55 \text{ tỷ đồng} \times 2\% = 1,1 \text{ tỷ đồng}$ .

Như vậy, Công ty thuộc diện được xét giảm thuế giá trị gia tăng, mức được xét giảm thuế giá trị gia tăng theo ví dụ trên là:  $2 \text{ tỷ đồng} - 1,1 \text{ tỷ đồng} = 0,9 \text{ tỷ đồng}$ .

(Số giảm 0,9 tỷ đồng nhỏ hơn số lỗ là 6 tỷ đồng và nhỏ hơn 50% số thuế giá trị gia tăng phải nộp là 1 tỷ đồng).

Cũng ví dụ trên, nếu Công ty trong năm lỗ 500 triệu đồng thì số thuế giá trị gia tăng được giảm tối đa là 500 triệu đồng.

3. Thời gian được xét giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định trên đây được xét từng năm, tính theo năm dương lịch và chỉ thực hiện trong 3 năm đầu, kể từ năm 1999 đến hết năm 2001.

4. Cơ sở thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng phải lập hồ sơ xin giảm thuế gửi cơ quan thuế; hồ sơ bao gồm:

- Đơn xin giảm thuế của cơ sở, nêu rõ lý do, thời gian xin giảm thuế, số liệu chứng minh số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo thuế suất thuế giá trị gia tăng lớn hơn số thuế tính theo thuế suất thuế doanh thu.

- Báo cáo quyết toán kết quả kinh doanh của năm xin giảm thuế (tính theo năm dương lịch).

- Báo cáo quyết toán thuế năm xin giảm thuế.

Đối với cơ sở dự toán năm kế hoạch có phát sinh lỗ do nguyên nhân thuế giá trị gia tăng phải nộp lớn hơn thuế tính theo thuế doanh thu và đã được cơ quan thuế quản lý cơ sở giải quyết cho tạm giảm phải gửi kèm theo văn bản cho tạm giảm của cơ quan thuế, trong báo cáo quyết toán kết quả tài chính và quyết toán thuế vẫn phải phản ánh số thuế phải nộp theo luật, số thuế giá trị gia tăng thực tế đã nộp.

### 5. Thẩm quyền và trình tự xét giảm thuế:

a) Chi cục trưởng Chi cục thuế phối hợp với các cơ quan liên quan xác định cá nhân kinh doanh có mức thu nhập thấp không phải nộp thuế giá trị gia tăng, ra thông báo cho cá nhân kinh doanh biết và xem xét, quyết định miễn, giảm thuế đối với các hộ kinh doanh vừa và nhỏ thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trong trường hợp nghỉ kinh doanh.

b) Cục trưởng Cục thuế được xét và quyết định giảm thuế đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế do Cục thuế quản lý.

Cục trưởng Cục thuế được xét và thông báo tạm giảm thuế đối với các cơ sở thuộc đối tượng được giảm thuế trong trường hợp dự toán năm và thực tế kinh doanh của cơ sở bị lỗ do nguyên nhân khách quan nêu trên; mức cho tạm giảm thuế tối đa không quá 70% số dự tính được giảm theo luật.

c) Bộ trưởng Bộ Tài chính xét quyết định giảm thuế trong các trường hợp đặc biệt và trường hợp việc xác định số thuế miễn, giảm có liên quan tới nhiều địa phương.

Trong mọi trường hợp đề nghị miễn, giảm thuế, cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ tới cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở. Cơ quan thuế quản lý khi nhận được hồ sơ xin giảm thuế của cơ sở phải kiểm tra hồ sơ và xác định rõ: cơ sở thuộc đối tượng và trường hợp được giảm thuế theo luật hay không thuộc đối tượng, hồ sơ có đầy đủ, đúng quy định và chính xác không; nếu phát hiện sai sót hay không đầy đủ, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo để cơ sở bổ sung, chỉnh lý kịp thời.

Trường hợp cơ sở không thuộc đối tượng được giảm thuế theo luật, cơ quan thuế phải trả lời bằng văn bản cho đơn vị biết rõ lý do không được xét giảm thuế.

Căn cứ vào thẩm quyền quy định, cơ quan thuế xem xét và ra quyết định giảm thuế gửi cho cơ sở được giảm thuế, Tổng cục Thuế và các đơn vị liên quan. Trường hợp giảm thuế thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế cấp trên hoặc Bộ Tài chính thì cơ quan nhận hồ sơ sau khi kiểm tra phải gửi toàn bộ hồ sơ của cơ sở kèm theo ý kiến (bằng văn bản) của mình, đồng thời thông báo cho cơ sở biết hồ sơ đã chuyển tới đâu. Căn cứ vào quyết định miễn, giảm thuế, cơ quan thuế thực hiện quyết toán với cơ sở số thuế giá trị gia tăng phải nộp, xác định kết quả lãi, lỗ và các khoản thu nộp ngân sách khác.

Cơ quan xét quyết định giảm thuế có trách nhiệm lưu giữ, quản lý hồ sơ theo đúng chế độ.

d) Đối với các trường hợp được miễn, giảm thuế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia hoặc theo các cam kết của Chính phủ về việc miễn, giảm thuế do Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quyết định.

Bãi bỏ các trường hợp miễn, giảm hay ưu đãi về thuế doanh thu theo các quy định trước đây kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

### III. TỔ CHỨC THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thu thuế giá trị gia tăng và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với cơ sở kinh doanh.

2. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc gì, đề nghị các đơn vị, cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG